

QUY CHẾ

Về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần địa ốc Sacom

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (sau đây được gọi tắt là “BKS”) được áp dụng trong mọi hoạt động của BKS; quy định cụ thể về chế độ làm việc, nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn của các Kiểm soát viên trong BKS và mối quan hệ phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị (sau đây được gọi tắt là “HĐQT”), Ban Tổng giám đốc và BKS công ty.

Điều 2. Chức năng hoạt động

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông (sau đây được gọi tắt là “ĐHĐCĐ”) bầu ra, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định tại quy chế này. BKS chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ, thay mặt Cổ đông thực hiện quyền kiểm tra, giám sát quản trị, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giữa các kỳ ĐHĐCĐ.

Điều 3. Mục đích kiểm soát

3.1 Nhằm nắm bắt và cung cấp thông tin kịp thời cho ĐHĐCĐ, HĐQT biết được thực trạng, chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị, bộ phận được kiểm soát. Phối hợp và đề xuất với HĐQT trong công tác quản lý hoạt động của Công ty và quản lý phần vốn góp của Công ty vào các Công ty liên kết và các doanh nghiệp khác có hiệu quả; nâng cao khả năng bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Công ty, bảo đảm tính công minh, hợp pháp, hợp lệ trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Góp phần ngăn chặn, khắc phục những hành vi vi phạm pháp luật hoặc không tuân thủ những quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước và của HĐQT.

3.2 Kiến nghị với HĐQT trong việc: Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy trình, đề xuất cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm tăng cường biện pháp quản lý tài sản, tăng hiệu quả hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đề xuất các biện pháp khắc phục hậu quả, xử lý đối với các hành vi vi phạm hoặc không tuân thủ nêu tại khoản 1, Điều này.

3.3. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có từ 3 đến 5 kiểm soát viên và có nhiệm kỳ là **05 năm**. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu

trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ, trừ trường hợp trước đó đã có thành viên BKS cũ đã có đơn từ nhiệm thì thành viên này không được tiếp tục đảm nhiệm.

3.4. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban kiểm soát và các Kiểm soát viên có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu hoặc cho các thành viên còn lại của BKS (trong trường hợp chưa bầu được các thành viên thay thế) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đã đảm nhiệm chức danh đó.

3.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên: Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Ngoài ra Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

4.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS;

4.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

4.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS, các thành viên BKS được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

4.4. Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương, nhận thù lao, tiền thưởng như đối với người quản lý Công ty; Kiểm soát viên kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của ĐHĐCĐ; ngoài mức hưởng lương, thù lao, tiền thưởng, các quyền lợi khác Kiểm soát viên được hưởng như đối với người lao động trong Công ty.

Điều 5. Trưởng ban kiểm soát

5.1 Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên khác phụ trách từng lĩnh vực công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về toàn bộ các báo cáo kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát thay mặt BKS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại phiên họp ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty;

5.2 Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của BKS.

5.3 Trưởng ban kiểm soát là đại diện của BKS tham gia các phiên họp của HĐQT, được phát biểu ý kiến, được chất vấn và có những kiến nghị nhưng không được quyền biểu quyết trừ trường hợp quy định khác tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp cho phép. Nếu trong trường hợp không thể tham dự phiên họp HĐQT, Trưởng ban kiểm soát có thể uỷ quyền bằng văn bản cho một Kiểm soát viên đại diện thay mặt mình tham dự.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

6.1. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

6.2. Giám sát việc chấp hành các nghị quyết ĐHĐCĐ, của HĐQT, thực hiện các cuộc kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty (trình tự thủ tục triển khai được hướng dẫn tại sơ đồ quy trình kiểm soát kèm theo Quy chế này).

6.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

6.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

6.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. Được yêu cầu sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

6.6. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên (BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông).

6.7. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết, theo kế hoạch đã đề ra hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Riêng đối với yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông 5% cổ phần phổ thông trở lên, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6.8. Định kỳ thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

6.9. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

6.11. Được quyền rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

6.12. Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của BKS sau khi thống nhất với HĐQT về các vấn đề liên quan đến giám sát và phối hợp giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

6.13. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo liên quan đến các chức danh lãnh đạo thuộc HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định của pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6.14. Lập và gửi HĐQT, Ban Tổng giám đốc kế hoạch kiểm tra tại Công ty và chi nhánh.

6.15. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 7. Nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát

7.1. Phê duyệt chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được duyệt;

7.2. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên, triệu tập và chủ trì các cuộc họp BKS.

7.3. Đề nghị HĐQT họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

7.4. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

7.5. Trao đổi ý kiến với Chủ tịch HĐQT (hoặc người được uỷ quyền) về các nội dung nêu trong báo cáo của BKS trước khi chính thức báo cáo ĐHĐCĐ.

7.6. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của BKS được gửi đến ĐHĐCĐ.

7.7. Tham dự các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm của Công ty; các phiên họp của HĐQT.

7.8. Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên

8.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ, đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

8.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

8.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp nếu vi phạm mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó, ngoài ra những thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

8.4. Khi phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

8.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trưởng ban kiểm soát, ĐHĐCĐ về tính xác thực về số liệu, hồ sơ liên quan đến các hoạt động của Công ty. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời báo cáo, kiến nghị xử lý với những sai phạm thì phải chịu trách nhiệm liên đới;

8.6. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ, có trách nhiệm giúp Trưởng ban kiểm soát tham mưu cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về lĩnh vực được phân công. Mỗi quý một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng ban kiểm soát.

8.7. Nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 9. Quyền hạn của Ban kiểm soát

9.1. Được HĐQT và Tổng giám đốc Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản thuộc về chủ trương, chính sách, các văn bản pháp quy của nhà nước, Công ty và các tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu.

9.2. Trong trường hợp cần thiết Trưởng ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty quyết định việc triệu tập các chuyên viên, cán bộ lãnh đạo trong Công ty thực hiện chương trình kiểm tra kiểm soát.

9.3. Được trang bị công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trong Công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát và có trách nhiệm bảo vệ bí mật các số liệu, tài liệu, thông tin được cung cấp; Đối với các vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân ngoài Công ty để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát thì BKS phải thông qua ý kiến của HĐQT.

9.4. Trong các phiên họp HĐQT, BKS được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên HĐQT; có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không có quyền biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của HĐQT, được quyền ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.

9.5. Yêu cầu ĐHĐCĐ; HĐQT họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9.6. Tham dự các cuộc họp, hội nghị của ĐHĐCĐ; HĐQT và các cuộc họp, cuộc hội nghị khác liên quan đến định hướng phát triển và mục đích kinh doanh của công ty.

9.7. BKS có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trình tự, thủ tục ra các quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

9.8. BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao, tham khảo ý kiến các uỷ viên HĐQT về hoạt động của BKS cũng như nội dung báo cáo của BKS trước khi trình lên ĐHĐCĐ.

9.9. BKS có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Tổng giám đốc tổ chức thực hiện ở Công ty và đơn vị, bộ phận trực thuộc Công ty.

Điều 10. Trách nhiệm của các Kiểm soát viên

Ngoài những quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ Công ty, Kiểm soát viên có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát.
- Chịu trách nhiệm về các ý kiến của mình đối với lĩnh vực công việc được giao kiểm soát.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Hoạt động của Ban kiểm soát

11.1 BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể kết hợp với chế độ chịu trách nhiệm cá nhân của Kiểm soát viên. Hoạt động kiểm tra, giám sát của BKS phải tuân thủ Pháp luật, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch và kịp thời.

11.2 BKS thực hiện nhiệm vụ theo cách thức sau:

- Chế độ làm việc định kỳ: 6 tháng một lần, BKS tiến hành kiểm tra báo cáo tài chính bao gồm cả kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, việc luân chuyển và lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán để đưa ra các kiến nghị về biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến đối với công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và hoạt động của Công ty.

- Trước phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 02 (hai) tuần, BKS phải tiến hành họp, tổng hợp các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình để báo cáo tại phiên họp ĐHĐCĐ;

11.3 Chế độ làm việc đột xuất: Trong trường hợp xét thấy việc kiểm tra cần được giữ bí mật và tránh được sự đối phó của đối tượng bị kiểm tra, BKS có thể tiến hành việc kiểm tra đột xuất nhưng không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của bộ phận bị kiểm tra, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

11.4 Chế độ báo cáo: Trong mỗi lần kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, BKS đều phải có Biên bản làm việc và phải công bố công khai kết quả kiểm tra trước khi gửi tới HĐQT, ĐHĐCĐ. Biên bản phải được các thành viên kiểm tra cùng ký tên.

11.5 Cách thức giải quyết mâu thuẫn (nếu có) giữa các Kiểm soát viên: Trong quá trình kiểm tra định kỳ cũng như đột xuất nếu các ý kiến của các Kiểm soát viên không thống nhất nhau về một vấn đề thì các Thành viên có quyền bảo lưu ý kiến và đưa vào Biên bản kiểm tra, báo cáo ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 12. Chế độ làm việc và các cuộc họp của Ban kiểm soát

12.1. BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra, kiểm toán theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của BKS.

12.2. Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của BKS, trường hợp vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát uỷ quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của BKS. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên có mặt.

- Các cuộc họp của BKS gồm:

- + Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ mỗi quý một lần.

- + Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của: Chủ tịch HĐQT; Ít nhất 03 thành viên HĐQT; Tổng giám đốc; Trưởng ban kiểm soát; 02 Kiểm soát viên;

12.3 Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường, Trưởng ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp BKS, HĐQT và các Kiểm soát viên phải có ngay văn bản báo cáo ĐHĐCĐ và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một Kiểm soát viên đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn giữ chức danh Trưởng Ban gửi các cổ đông xin ý kiến biểu quyết, hoặc quyết định việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

- Địa điểm họp: Các cuộc họp BKS sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.

- Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp BKS được tiến hành sau 03 (ba) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên.

12.4 Biểu quyết:

- Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là người được quyền tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

+ Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát. Các kiến nghị của BKS phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong BKS và kết luận theo đa số. Mỗi thành viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của BKS.

+ Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

12.5. Mỗi vụ việc kiểm tra phải được Trưởng ban kiểm soát phê duyệt mới được thực hiện. Kết thúc kiểm tra, kiểm toán người được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm toán phải cùng đối tượng kiểm tra lập biên bản xác nhận thực tế những nội dung kiểm tra, kiểm toán, kiến nghị của người kiểm tra về việc xử lý các vi phạm, ý kiến tiếp thu của đối tượng được kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm toán cho Trưởng ban kiểm soát.

Điều 13. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

13.1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

- BKS tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định hiện hành.

- BKS có thể báo cáo trực tiếp với ĐHĐCĐ, các cơ quan quản lý Nhà nước trong trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các thành viên khác trong Công ty.

13.2. Quan hệ với cổ đông:

- BKS có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát định kỳ cho ĐHĐCĐ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, hoặc cổ đông từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- BKS báo cáo cổ đông tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định trong Điều lệ Công ty.

- BKS thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, có báo cáo gửi cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

13.3. Quan hệ với HĐQT:

- HĐQT chịu sự giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác

cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

- HĐQT được quyền đề nghị BKS thực hiện kiểm tra hoặc tham gia cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của HĐQT.

- BKS thông qua HĐQT kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất. BKS phải kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.

- Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. BKS theo dõi đơn đốc việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

- Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho BKS trước ngày tổ chức đại hội ít nhất là 5 ngày làm việc để thẩm định.

- BKS thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của BKS trước khi gửi lên ĐHĐCĐ.

13.4. Quan hệ với Tổng giám đốc Công ty:

- Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Các báo cáo Tổng giám đốc gửi tới HĐQT thì đồng thời gửi cho BKS.

- Phải thông báo mời BKS tham dự các cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến phương hướng hoạt động, kinh doanh của công ty.

- Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

- Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời thông báo cho BKS những ý kiến chỉ đạo này.

- Thông báo ngay cho BKS khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

13.5. Quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp:

- Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS, đoàn kiểm tra, kiểm toán.

- Các đơn vị của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS.

Điều 14. Khen thưởng, kỷ luật

14.1. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên có thành tích trong công tác kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Công ty.

14.2. Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành trong kiểm tra, kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty thì tùy theo mức

độ sai phạm mà xử lý kỷ luật về hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Công ty.

Điều 15. Mất tư cách Kiểm soát viên

Kiểm soát viên đương nhiên bị mất tư cách theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát bị mất tư cách theo quy định như trên thì các thành viên còn lại sẽ cử 01 thành viên đảm nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát cho đến khi được bầu lại.

Điều 16. Điều kiện và chi phí làm việc của Ban kiểm soát

16.1 Điều kiện và chỗ ngồi làm việc của BKS theo quy định của công ty.

16.2 Khi có nhu cầu về cán bộ, nhân viên hỗ trợ công tác kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát đề nghị với Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc Công ty để thực hiện việc bố trí cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

16.3 Chi phí hoạt động của BKS phục vụ cho nhiệm vụ được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và của Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

17.1 Quy chế này gồm 17 Điều khoản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

17.2 Những nội dung khác về chế độ làm việc của BKS, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản khác của Công ty. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về thư ký Công ty để tổng hợp báo cáo HĐQT, BKS xem xét. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT-BKS quyết định.

17.3 HĐQT, BKS, các Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc Công ty, các Trưởng các phòng, ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban


Lê Văn Minh

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch




Nguyễn Xuân Thủy

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT
(Đính kèm quy chế hoạt động)

